



shēng xué

升学

Verb · to enter the next grade school

Example Sentences

tā nǔ lì xué xí xī wàng shùn lì shēng xué
他努力学习，希望顺利升学。

He studies hard, hoping to advance to a higher school smoothly.

tā jīn nián xià tiān jiù yào shēng xué le zhǔn bèi qù dú gāo zhōng
他今年夏天就要升学了，准备去读高中。

He will enter the next grade school this summer and is preparing to go to high school.

Trace each character, then write the word on your own.

升	升	升	升	升	升						
学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学